

**Մեկնարկային ցուցակ**

| No. | Name                  | FideID   | Ֆեդ. | RtgI | BdId | Ակումբ/քաղաք    |
|-----|-----------------------|----------|------|------|------|-----------------|
| 1   | Đàm, Thị Thùy Dung    | 24040037 | HCM  | 2328 | Wien | Tp. Hồ Chí Minh |
| 2   | Nguyễn, Hoàng Yến     | 24040033 | HCM  | 2326 | Wien | Tp. Hồ Chí Minh |
| 3   | Lê, Thị Kim Loan      | 24040042 | HNO  | 2196 |      | Hà Nội          |
| 4   | Nguyễn, Thị Phi Liêm  | 23100386 | DAN  | 2164 |      | Đà Nẵng         |
| 5   | Trần, Tuệ Doanh       | 24040035 | HCM  | 2148 |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 6   | Lại, Quỳnh Tiên       | 24040036 | HCM  | 2141 | Wien | Tp. Hồ Chí Minh |
| 7   | Cao, Phương Thanh     | 24040045 | HCM  | 2134 |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 8   | Đào, Thị Thủy Tiên    | 24040040 | QNI  | 2118 |      | Quảng Ninh      |
| 9   | Kiều, Bích Thủy       | 24040046 | HNO  | 2098 |      | Hà Nội          |
| 10  | Nguyễn, Anh Đình      | 24040043 | HCM  | 2059 |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 11  | Ngô, Thị Bảo Trân     | 24040034 | HCM  | 2040 | Wien | Tp. Hồ Chí Minh |
| 12  | Trịnh, Thúy Nga       | 24040048 | QNI  | 2037 |      | Quảng Ninh      |
| 13  | Võ, Hồ Lan Anh        | 24090005 | HCM  | 2028 |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 14  | Hoàng, Thị Hải Bình   | 24040061 | HCM  | 2017 |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 15  | Đinh, Thị Quỳnh Anh   | 24040041 | QNI  | 2016 |      | Quảng Ninh      |
| 16  | Phùng, Bảo Quyên      | 24060247 | BNI  | 1996 |      | Bắc Ninh        |
| 17  | Đỗ, Mai Phương        | 24040052 | HCM  | 1956 |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 18  | Ngô, Thừa Ân          | 24060063 | HCM  | 1899 | Wien | Tp. Hồ Chí Minh |
| 19  | Nguyễn, Thiên Kim     | 24060273 | QNI  | 1853 |      | Quảng Ninh      |
| 20  | Trần, Huỳnh Thiên Kim | 24040044 | HCM  | 1850 |      | Tp. Hồ Chí Minh |
| 21  | Phạm, Thu Hà          | 24060330 | HNO  | 1742 |      | Hà Nội          |